| | |
|---|---|
| SỞ Y TẾ NINH BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT** | **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 984 /KSBT-DVTYT | *Ninh Bình, ngày 09 tháng 11 năm 2026* |
| Về việc mời báo giá khảo sát sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị | |

# THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị trong lĩnh vực sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá khảo sát hiện trạng trang thiết bị để làm cơ sở phục vụ nhu cầu sửa chữa, bảo dưỡng trang thiết bị năm 2026 với nội dung cụ thể như sau:

**I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ bà Trương Ngọc Bích, Phó trưởng khoa Dược - Vật tư y tế, SĐT:0338662988 để được giải đáp).

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Đối với yêu cầu báo giá đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia: Nhận báo giá online qua website muasamcong.mpi.gov.vn

- Đối với báo giá đăng tải trên Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư: Nhận bản giấy trực tiếp hoặc qua chuyển phát nhanh tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình; Đơn vị báo giá gửi kèm bản scan màu qua email: duocvtyt.cdcnb@gmail.com

- Địa chỉ: đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

- Điện thoại: 0338662988

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày đăng tải đến trước 17 giờ 00 phút ngày 12 tháng 11 năm 2026.

- Đối với báo giá đăng tải trên Trang thông tin điện tử của chủ đầu tư: Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email *(thời điểm báo có thư đến)* tùy thời điểm nào đến trước.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá:

- Tối thiểu 90 ngày từ ngày 12 tháng 11 năm 2026.

- Báo giá phải có dấu và chữ ký của người có thẩm quyền theo quy định.

**II. Nội dung yêu cầu báo giá**

1. Danh mục hàng hóa: (có phụ lục 1 kèm theo)

2. Địa điểm khảo sát:

- Địa điểm :

+ Tại trụ sở 1- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình- Đường Lê Thái Tổ, phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình.

+ Tại trụ sở 3- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình- Đường Phù Nghĩa, phường Thiên Trường, Tỉnh Ninh Bình.

+ Tại trụ sở 4- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình- Tổ dân phố Mễ Nội, phường Phủ Lý, Tỉnh Ninh Bình.

3. Các thông tin khác

- Mẫu báo giá : ghi rõ giá trên đã bao gồm phí, thuế và vận chuyển.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các nhà cung cấp dịch vụ./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Đăng tải MĐTQG;
- Lưu: VT, DVTYT.

**KT. GIÁM ĐỐC**
**PHÓ GIÁM ĐỐC**

SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TỈNH NINH BÌNH

**Đỗ Công Chiến**




# Phụ lục 1: DANH MỤC HÀNG HÓA

*(Kèm theo yêu cầu báo giá số 984 /KSBT-DVTYT ngày 09/11/2026 của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Ninh Bình)*

| TT | Tên thiết bị | Mã thiết bị | Trụ sở | ĐVT | Số lượng |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Máy phun ULV .ĐG: 25,410 | CDCND215 | 1 | Máy | 1 |
| 2 | Máy phun ULV .ĐG: 25,410 | CDCND216 | 1 | Máy | 1 |
| 3 | Máy phun ULV .ĐG: 25,410 | CDCND217 | 1 | Máy | 1 |
| 4 | Máy phun tồn lưu - SR-420 – Đức | CDCND120 | 1 | Máy | 1 |
| 5 | Máy phun tồn lưu - SR-420 - Đức | CDCND125 | 1 | Máy | 1 |
| 6 | Máy phun tồn lưu - SR-420 - Đức | CDCND122 | 1 | Máy | 1 |
| 7 | Máy phun ULV | CDCND104 | 1 | Máy | 1 |
| 8 | Máy phun ULV | CDCND70 | 1 | Máy | 1 |
| 9 | Máy phun P2 ULV. ĐG : 39,950 | CDCND230 | 1 | Máy | 1 |
| 10 | Máy phun ULV .ĐG: 35,450 | CDCND222 | 1 | Máy | 1 |
| 11 | Máy phun P2 ULV. ĐG : 39,950 | CDCND229 | 1 | Máy | 1 |
| 12 | Máy phun xông khói | 2022TS14 (HN) | 1 | Máy | 1 |
| 13 | Máy phun khử khuẩn Makita PM 7650H (4 thì) | 50304TS129 (HN) | 1 | Máy | 1 |
| 14 | Máy phun khử khuẩn Makita PM 7650H (4 thì) | 50304TS131 (HN) | 1 | Máy | 1 |
| 15 | Máy phun khử khuẩn Makita PM 7650H (4 thì) | 50304TS133 (HN) | 1 | Máy | 1 |
| 16 | Máy phun tồn lưu - SR-420 - Đức | CDCND123 | 1 | Máy | 1 |
| 17 | Máy phun tay Gloria 505T | CCDC-CDC-HN 417 | 1 | Máy | 1 |
| 18 | Máy phun tay Gloria 505T | CCDC-CDC-HN 418 | 1 | Máy | 1 |
| 19 | Máy phun P2 ULV. ĐG : 39,950 | CDCND231 | 3 | Máy | 1 |
| 20 | Máy phun tồn lưu - SR-420 - Đức | CDCND121 | 3 | Máy | 1 |
| 21 | Máy phun tồn lưu - SR-420 - Đức | CDCND124 | 3 | Máy | 1 |
| 22 | Máy phun khử khuẩn Makita PM 7650H (4 thì) | 50304TS130 (HN) | 4 | Máy | 1 |
| 23 | Máy phun xông khói | 2022TS15 (HN) | 4 | Máy | 1 |